

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/DS-ST

Ngày: 05/11/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Trần Thị Kim Đồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Tiêm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2024/TLST – DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M1.**

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Công T** – Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần M1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quốc T1** – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần M1 (theo Văn bản ủy quyền số 01/2024/UQ-MARS ngày 19/4/2024).

Ông Nguyễn Quốc Thành ủy Q lại cho: Ông **Nguyễn Phú T2** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt); ông **Hoàng Đức T3** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (xin vắng mặt); và bà **Trần Thị Ngân H** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt). Cùng địa chỉ nơi làm việc: Công ty Cổ phần M1, Tầng D - Tòa nhà C,

số D, N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh {theo Văn bản ủy quyền số 272/2024/UQ-MARS(VPB)}.

- *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị Ngọc B**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần M1 và người đại diện trình bày:*

Theo hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-Mars, hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPB-Mars cùng các phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) với Công ty TNHH Một thành viên M1 (nay là Công ty cổ phần M1) (M1) thì V1 đồng ý bán và M đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là bà Phạm Thị Ngọc B bao gồm nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác nếu có phát sinh theo các hợp đồng tín dụng/hợp đồng cho vay mà bà Phạm Thị Ngọc B đã ký kết với V1. Theo đó, V1 đã chuyển toàn bộ quyền sở hữu, quyền lợi, lợi ích của V1 đối với khoản vay này cho M, M được kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của V1 tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong toàn bộ khoản vay. Khoản nợ của bà Phạm Thị Ngọc B cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số LN2301168184211 ký ngày 10/02/2023 và khế ước nhận nợ ký cùng ngày với nội dung: số tiền cho vay là 800.0000.000đ; mục đích vay là hoàn vốn mua bất động sản có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV155214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 14/02/2020 tại địa chỉ xã L, huyện C, tỉnh Long An; thời hạn vay là 300 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 13,8%/năm được cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; dư nợ tạm tính đến ngày 16/5/2024 là 915.274.323đ, trong đó nợ gốc là 794.666.000đ, nợ lãi là 120.608.323đ.

Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử: Thẻ tín dụng 139-P-3981644, dư nợ tạm tính đến ngày 16/5/2024 là 1.370.736đ, trong đó nợ gốc là 9.000đ, nợ lãi là 1.361.736đ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 8, toạ lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An – Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 155214, sổ vào sổ cấp GCN CS13286 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L ký cấp ngày 14/02/2020, cập nhật thay đổi lần cuối ngày 13/01/2023. Tài sản được thế chấp tại V1 theo hợp đồng thế chấp ký ngày 11/02/2023 tại Văn phòng C1, tỉnh Long An, địa chỉ: Số B, L, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Việc giao dịch bảo đảm được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị Ngọc B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển thành nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 16/5/2024 bà Phạm Thị Ngọc B còn nợ là 916.645.059đ, trong đó nợ gốc là 794.675.000đ, nợ lãi là 121.970.059đ. Nay Công ty cổ phần M1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1/ Buộc bà Phạm Thị Ngọc B phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/5/2024 với tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là 916.645.059đ, trong đó nợ gốc vay là 794.666.000đ, nợ lãi vay là 120.608.323đ, nợ gốc thế tín dụng là 9.000đ, nợ lãi thế tín dụng là 1.361.736đ.

Yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc B tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày bà Phạm Thị Ngọc B thanh toán hết nợ cho Công ty cổ phần M1.

2/ Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty cổ phần M1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 8, toạ lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp ký ngày 11/02/2023.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà bà Phạm Thị Ngọc B vẫn chưa trả hết nợ thì bà Phạm Thị Ngọc B phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Công ty cổ phần M1.

Đến ngày 01/11/2024, nguyên đơn Công ty Cổ phần M1 có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc B trả nợ gốc, nợ lãi thế tín dụng số 139-P-3981644.

*\*Đối với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc B:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ,... nhưng bà B không đến trụ sở Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- *Người đại diện của Công ty Cổ phần M1 vắng mặt nhưng có nộp bản luận cứ với nội dung:* Công ty Cổ phần M1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày 05/11/2024 bà Phạm Thị Ngọc B còn nợ Công ty Cổ phần M1 theo hợp đồng vay, khế ước nhận nợ với tổng số tiền là 1.010.238.203đ, trong đó nợ gốc 794.666.000đ, nợ lãi là 215.572.203đ; về địa chỉ của bà Phạm Thị Ngọc B, ngoài địa chỉ theo đơn khởi kiện thì Công ty không biết địa chỉ nào khác.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Ngọc B trả nguyên đơn số tiền 1.010.238.203đ, trong đó nợ gốc là 794.666.000đ, nợ lãi là 215.572.203đ và tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ; và chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ; các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Công ty cổ phần M1 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc B trả tiền vốn vay, tiền lãi theo các hợp đồng đã ký giữa bà Phạm Thị Ngọc B với Ngân hàng Thương mại cổ phần V; theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp thì bà Phạm Thị Ngọc B có địa chỉ tại ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bà Phạm Thị Ngọc B vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Nguyên đơn Công ty Cổ phần M1 có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc B trả Công ty Cổ phần M1 khoản nợ thẻ tín dụng số 139-P-3981644 với số tiền tính đến ngày 16/5/2024 là 1.370.736đ, trong đó nợ gốc là 9.000đ, nợ lãi là 1.361.736đ. Xét việc nguyên đơn rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M1 yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc B trả nợ vốn vay, nợ lãi, xử lý tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.1] Bà Phạm Thị Ngọc B và Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Sau đây gọi là: V1) có thỏa thuận ký Hợp đồng cho vay số LN2301168184211 ngày 10/02/2023 (BL 58-59), Khế ước nhận nợ ngày 10/02/2023 (BL 56-57). Theo nội dung hợp đồng, khế ước nhận nợ thì V1 cho bà Phạm Thị Ngọc B vay 800.000.000đ; thời hạn vay là 300 tháng, ngày 14/02/2048 là đến hạn; lãi suất trong hạn là 13,8%/năm giữ cố định trong 06 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả tiền lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mục đích vay là để hoàn vốn mua bất động sản có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 155214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L ký ngày 14/02/2020, tại địa chỉ xã L, huyện C, tỉnh Long An; trả nợ gốc, nợ lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, số tiền nợ gốc phải trả là 2.667.000đ/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15/3/2023.

Thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị Ngọc B chỉ trả được 02 kỳ nợ gốc với số tiền 5.334.000đ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cho nên việc V1 chuyển khoản nợ của bà Phạm Thị Ngọc B thành nợ quá hạn vào ngày 15/6/2023 và bắt đầu tính lãi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên được quy định tại Điều 7 của Điều kiện giao dịch chung kèm theo Hợp đồng cho vay số LN2301168184211 ngày 10/02/2023.

Tính đến ngày 05/11/2024, bà Phạm Thị Ngọc B còn nợ V1 tiền vốn vay là 794.666.000đ, nợ lãi là 215.572.203đ, cộng chung là 1.010.238.203đ.

[2.1.2] Để bảo đảm khoản vay, bà Phạm Thị Ngọc B và V1 đã thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp số 694 ngày 11/02/2023 (BL 47-55). Theo nội dung của hợp đồng thì bà Phạm Thị Ngọc B thế chấp cho V1 quyền sử dụng đất và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh hoặc có liên quan đến thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 8, diện tích 60m<sup>2</sup>, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Xét, thửa đất 1079 và tài sản gắn liền với đất là thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của bà Phạm Thị Ngọc B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CV 155214, số vào sổ cấp GCN CS13286, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L ký cấp cho ông Bùi Hữu N vào ngày 14/02/2020, chỉnh lý trang 4 sang tên cho bà Phạm Thị Ngọc B vào ngày 13/01/2023 (BL 42a – 42c) nên bà Phạm Thị Ngọc B có quyền thế chấp thửa đất 1079 cho V1; hợp đồng thế chấp được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, được Văn phòng C1 chứng nhận vào ngày 11/02/2023, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD; sau đó bà Phạm Thị Ngọc B và V1 có làm Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đề ngày 11/02/2023 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An chứng nhận

vào ngày 13/02/2023 (BL 44-46). Cho nên hợp đồng thế chấp là có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/9/2024 thì trên thửa đất 1079 có 01 căn nhà cấp 3 có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, có 02 tầng hiện đang bỏ trống, không có ai quản lý, sử dụng; tại văn bản số 3367/UBND ngày 30/10/2024 của UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An cho biết thửa đất 1079 không có tranh chấp.

[2.1.3] Ngày 29/12/2023, V1 đã bán khoản nợ của bà Phạm Thị Ngọc B cho Công ty TNHH Một thành viên M1 (nay là C ty Cổ phần Mars) theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS (BL 39-42) và Phụ lục 01, ký hiệu 959/HĐ01. Theo đó, toàn bộ quyền và lợi ích từ khoản nợ và tài sản bảo đảm của bà Phạm Thị Ngọc B được V1 chuyển giao cho Công ty Cổ phần M1. Xét, việc V1 bán khoản nợ của bà Phạm Thị Ngọc B cho Công ty Cổ phần M1 là phù hợp với thoả thuận giữa bà Phạm Thị Ngọc B với V1 tại điểm g khoản 1 Điều 11 của Điều kiện giao dịch chung kèm theo Hợp đồng cho vay số LN2301168184211 ngày 10/02/2023 và phù hợp với các Điều 365, 368 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, Công ty Cổ phần M1 được quyền khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc B thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng bà Phạm Thị Ngọc B đã ký với V1 như nhận định trên. Sau đó, Công ty Cổ phần M1 đã ra Thông báo số 1208/2024/TB-MARS(VPB) ngày 08/01/2024 gửi đến bà Phạm Thị Ngọc B để thông báo việc chuyển giao quyền đòi nợ và yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ trả nợ Công ty Cổ phần M1.

[2.1.4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M1: Buộc bà Phạm Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả Công ty Cổ phần M1 số tiền tính đến ngày 05/11/2024 là 1.010.238.203đ (trong đó nợ gốc là 794.666.000đ, nợ lãi là 215.572.203đ) và bà B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến ngày bà Phạm Thị Ngọc B thanh toán hết nợ cho Công ty cổ phần M1; Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty cổ phần M1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà bà Phạm Thị Ngọc B vẫn chưa trả hết nợ thì bà Phạm Thị Ngọc B phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Công ty cổ phần M1.

[2.2] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc B phải nộp tiền án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Công ty Cổ phần M1 là 42.357.109đ, làm tròn thành 42.357.100đ  $\{36.000.000đ + 3\% \times (1.011.903.649đ - 800.000.000đ)\}$ ; Công ty Cổ phần M1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 365, 368, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần M1.**

1.1. Buộc bà Phạm Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả Công ty Cổ phần M1 số tiền 1.010.238.203đ (một tỷ không trăm mười triệu hai trăm ba mươi tám ngàn hai trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc là 794.666.000đ, nợ lãi là 215.572.203đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Ngọc B còn phải trả Công ty Cổ phần M1 tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2301168184211 ngày 10/02/2023 và Khế ước nhận nợ ngày 10/02/2023.

1.2. Trường hợp bà Phạm Thị Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 694 ngày 11/02/2023 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 8, diện tích 60m<sup>2</sup>, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần M1 thì bà Phạm Thị Ngọc B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Công ty Cổ phần M1.

**2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút của Công ty Cổ phần M1 về yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc B trả Công ty Cổ phần M1 khoản nợ thẻ tín dụng số 139-P-3981644 là 1.370.736đ, trong đó nợ gốc là 9.000đ, nợ lãi là 1.361.736đ.**

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

3.1. Bà Phạm Thị Ngọc B phải nộp tiền án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả Công ty Cổ phần M1 là 42.357.100đ (bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn một trăm đồng).

3.2. Công ty Cổ phần M1 không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả Công ty Cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.561.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011421 ngày 24/6/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Luân**